

Số: 61 /2012/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 08 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý công nghệ
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 29/11/2006;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; Nghị định số 103/2011/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 133/2008/NĐ-CP; Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Thực hiện Thông tư số 10/2009/TT-BKHCN ngày 24/4/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 807/TTr-SKHCN-CN ngày 05/10/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1281/QĐ-UB ngày 04/9/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Website Chính phủ;
- Cục kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư Pháp;
- Báo Hà Tĩnh, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Các Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, MY

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Kim Cự

QUY ĐỊNH

Quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 61 /2012/QĐ-UBND
Ngày 08 tháng 11 năm 2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định cụ thể một số nội dung về quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh gồm: Thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư, chuyển giao công nghệ, giám định công nghệ và dịch vụ chuyển giao công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về công nghệ; cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư; các tổ chức, cá nhân người Việt Nam hoặc người nước ngoài liên quan trong hoạt động đầu tư công nghệ, chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Đối tượng thẩm tra công nghệ.

1. Các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh thuộc thẩm quyền chấp thuận đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao của tỉnh.

2. Các dự án không thuộc khoản 1 Điều này khi các tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

Điều 4. Nội dung, trình tự, thủ tục thẩm tra công nghệ.

Nội dung, trình tự, thủ tục thẩm tra công nghệ được thực hiện theo quy định tại Mục II, III, Thông tư số 10/2009/TT-BKHCN ngày 24/4/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ về thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư.

Điều 5. Thẩm quyền tổ chức thẩm tra công nghệ.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức thẩm tra công nghệ các đối tượng theo Điều 3 của Quy định này.

Điều 6. Quy định về công nghệ được chuyển giao.

1. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân ứng dụng công nghệ đạt trình độ tiên tiến, đối với một số trường hợp có thể ứng dụng công nghệ phù hợp với trình độ sản xuất và điều kiện của địa phương, nhưng cần giải trình rõ những ưu điểm khi áp dụng công nghệ này và lý giải được tính phù hợp của công nghệ được áp dụng và nhất thiết không ảnh hưởng đến môi trường.

2. Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao; Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; Danh mục công nghệ cấm chuyển giao được quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Luật Chuyển giao công nghệ và Điều 5 của Nghị định 133/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ (sau đây gọi tắt là Nghị định 133/2008/NĐ-CP).

Điều 7. Đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ.

1. Hợp đồng chuyển giao công nghệ không bắt buộc phải đăng ký, nhưng các bên tham gia giao kết hợp đồng có quyền đăng ký nếu có nhu cầu. Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ là cơ sở để được hưởng các ưu đãi theo quy định của Nghị định 133/2008/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký, nếu các bên có thỏa thuận bổ sung, sửa đổi nội dung hợp đồng, thì phải gửi hợp đồng đến Sở Khoa học và Công nghệ để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung, sửa đổi hợp đồng.

Điều 8. Chuyển giao công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Trường hợp chuyển giao công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Nghị định 133/2008/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

Điều 9. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ thực hiện theo Nghị định số 133/2008/NĐ-CP.

Phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ thực hiện theo Thông tư số 200/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Điều 10. Kiểm tra công nghệ sau đầu tư và hoạt động chuyển giao công nghệ.

1. Kiểm tra việc tiếp nhận công nghệ, thiết bị của các đơn vị có dự án đầu tư, phát hiện kịp thời và xử lý những hành vi đầu tư công nghệ, thiết bị sai khác so với hồ sơ đã được thẩm tra, làm ảnh hưởng xấu tới chất lượng sản phẩm và môi trường. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tổ chức kiểm tra trong và sau khi hoàn thành việc đầu tư công nghệ.

2. Kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 133/2008/NĐ-CP.

Điều 11. Giám định công nghệ.

1. Để kiểm tra, xác định các chỉ tiêu của công nghệ đã được chuyển giao, Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về chuyển giao công nghệ có quyền trưng cầu giám định công nghệ.

2. Các tổ chức, cá nhân khác có quyền, lợi ích liên quan đến chuyển giao công nghệ, tranh chấp, vi phạm, khiếu nại, tố cáo về chuyển giao công nghệ có quyền yêu cầu giám định công nghệ.

3. Những quy định cụ thể về giám định công nghệ được thực hiện theo Nghị định số 133/2008/NĐ-CP.

Điều 12. Báo cáo, thống kê hoạt động chuyển giao công nghệ.

1. Hàng năm trước ngày 15 tháng 01, các tổ chức và cá nhân có hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có trách nhiệm báo cáo tình hình đầu tư công nghệ, chuyển giao công nghệ năm trước của đơn vị gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 13. Dịch vụ chuyển giao công nghệ.

1. Khuyến khích tổ chức, cá nhân có đủ năng lực hoạt động dịch vụ chuyển giao công nghệ như: Giới thiệu chuyển giao công nghệ, tư vấn chuyển giao công nghệ, đánh giá công nghệ, định giá công nghệ, giám định công nghệ, xúc tiến chuyển giao công nghệ.

2. Tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức dịch vụ chuyển giao công nghệ phải đăng ký hoạt động và chỉ được tiến hành hoạt động dịch vụ chuyển giao công nghệ sau khi đã được đăng ký theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN ngày 18/3/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thành lập và đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ; Thông tư số 01/2011/TT-BKHHCN ngày 16/3/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm Sở Khoa học và Công nghệ.

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý công nghệ.

2. Tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về công nghệ. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức và nghiệp vụ về thẩm tra công nghệ, chuyển giao công nghệ cho các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh.

3. Thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao và các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu. Tham gia Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

4. Hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyên giao công nghệ, bao gồm: Chuyên giao công nghệ, đánh giá, định giá, giám định công nghệ, môi giới và tư vấn chuyên giao công nghệ.

5. Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyên giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung, sửa đổi hợp đồng chuyên giao công nghệ.

6. Tổ chức kiểm tra công nghệ trước, trong và sau đầu tư.

7. Hàng năm, yêu cầu các tổ chức, cá nhân đã đầu tư công nghệ, chuyên giao công nghệ lập báo cáo và tổng hợp báo cáo theo Điều 12 Quy định này.

8. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về các hoạt động thẩm tra, đánh giá, giám định công nghệ, hoạt động cung ứng và sử dụng các dịch vụ tư vấn về chuyên giao công nghệ theo quy định của pháp luật. Trưng cầu hoặc yêu cầu giám định công nghệ trong trường hợp cần thiết.

9. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đổi mới công nghệ.

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã.

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan:

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ xin chấp thuận đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao phải gửi hồ sơ tới Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm tra công nghệ.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan chức năng kiểm tra hoạt động chuyên giao công nghệ, thẩm tra và giám định công nghệ, hoạt động cung ứng và sử dụng dịch vụ tư vấn về chuyên giao công nghệ thuộc thẩm quyền được phân cấp.

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền quản lý đẩy mạnh hoạt động áp dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, đổi mới công nghệ bằng nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc từ các nguồn vốn khác.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:

- Tổ chức tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn thực hiện các văn bản về quản lý công nghệ và chuyên giao công nghệ trên địa bàn;

- Chỉ đạo việc thực hiện nghiêm túc các quy định về chuyên giao công nghệ, thẩm tra công nghệ đối với các dự án đầu tư trên địa bàn;

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra hoạt động chuyên giao công nghệ, thẩm tra và giám định công nghệ, hoạt động cung ứng và sử dụng dịch vụ tư vấn về chuyên giao công nghệ trên địa bàn.

Điều 16. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân đầu tư.

1. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh phải nhiệm gửi báo cáo đầu tư công nghệ về Sở Khoa học và Công nghệ theo Điều 12 của Quy định này.

2. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã đăng ký hợp đồng chuyên giao công nghệ:

a) Trong vòng 12 tháng sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ, các bên phải thực hiện việc chuyển giao công nghệ.

b) Trong quá trình chuyển giao công nghệ phải báo cáo tiến độ thực hiện theo yêu cầu và chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan.

c) Khi hợp đồng chuyển giao công nghệ hết hiệu lực thì bên giao và bên nhận phải lập biên bản đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ. Bên nhận phải gửi biên bản đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ cho Sở Khoa học và Công nghệ trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên ký kết biên bản.

Điều 17. Điều khoản thi hành.

1. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh thì các tổ chức, cá nhân và các cơ quan, đơn vị liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, thống nhất, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.



Võ Kim Cự